ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT CẦN THƠ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH/NGHỀ: QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

MÃ NGÀNH/NGHỀ: 6850102

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG *(hệ tốt nghiệp THPT)*

Ban hành kèm theo Quyết định số: 299/QĐ-KTKT, ngày 15 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ

NĂM 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành, nghề: Quản lý đất đai

Mã ngành, nghề: 6850102

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Đối tượng tuyển sinh: tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Thời gian khóa học: 3,0 năm

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Ngành Quản lý Đất đai là một trong những ngành học đa dạng và hứa hẹn trong lĩnh vực quản lý tài nguyên đất đai. Ngành này cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng để trở thành những chuyên gia trong việc quản lý và sử dụng hiệu quả đất đai, một tài nguyên quý báu của đất nước.

Ngành Quản lý Đất đai đào tạo kỹ sư có khả năng về quản lý hành chính nhà nước về lĩnh vực đất đai. Sinh viên trong ngành này sẽ học về khai thác và quản lý bền vững nguồn tài nguyên đất đai, đo đạc, thiết kế bản đồ, vận dụng luật đất đai trong tư vấn và giải quyết tranh chấp, khiếu nại về quản lý đất đai, đánh giá và quy hoạch sử dụng đất đai, quy hoạch vùng và đô thị, cũng như quy hoạch sản xuất nông nghiệp, định giá đất và kinh doanh bất động sản. Ngành này cũng tập trung vào việc ứng dụng công nghệ cao trong quản lý đất đai, thống kê kiểm kê đất đai và phát triển quỹ đất.

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có khả năng phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý đất đai, trắc địa, đo đạc địa chính, bản đồ, hệ thống thông tin địa lý và định vị, đồ họa thiết kế, viễn thám, hệ thống thông tin đất đai, pháp luật - thanh tra và giải quyết tranh chấp đất đai, lưu trữ-kiểm kê chỉnh lý biến động đất, quy hoạch đô thị - nông thôn, định giá đất và thị trường bất động sản, và nhiều lĩnh vực khác.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo sinh viên ngành Quản lý đất đai trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị; có đạo đức nghề nghiệp và sức khoẻ tốt; có kiến thức, kỹ năng cơ bản về công tác Quản lý đất đai, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc, có sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm việc làm, đồng thời có khả năng học tập vươn lên, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Kiến thức:

- Hiểu và vận dụng đúng đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước vào các hoạt động quản lý và sử dụng đất đai.

- Trình bày được nội dung liên quan đến vận hành và khai thác hệ thống quản lý thông tin đất đai

- Nắm vững các quy trình và thủ tục hành chính liên quan đến quản lý đất đai.

- Nắm chắc các nguyên lý cơ bản trong việc quản lý, khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên đất đai theo hướng tiết kiệm, phù hợp với từng địa phương.

- Trình bày được nội dung về ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực quản lý đất đai, quy hoạch sử dụng đất, bằng việc sử dụng phần mềm GIS trong xây dựng hệ thống thông tin mới

- Trình bày được các nội dung về bất động sản, thị trường bất động sản, đăng ký, định giá và kinh doanh bất động sản

- Trình bày được các nội dung về lĩnh vực định giá đất và bất động sản, xây dựng bảng giá đất, khung giá đất.

- Trình bày được các nội dung cơ bản về các công tác thanh tra, kiểm tra đất đai; công tác giải quyết tranh chấp về đất đai theo đúng quy định của pháp luật

- Trình bày được các kiến thức về các loại hồ sơ địa chính, cách lập, cập nhật hồ sơ địa chính, biết được các quy trình nghiệp vụ trong lưu trữ thông tin đất đai.

- Trình bày được các kiến thức cơ bản hệ thống thông tin và xây dựng một hệ thống thông tin, đặc biệt xây dựng hệ thống thông tin đất đai theo chuẩn dữ liệu của ngành quản lý đất đai

- Trình bày được mọi nghiệp vụ về quản lý đất đai, giải quyết các vấn đề có liên quan đến nghiệp vụ về quản lý hành chính, trắc địa, bản đồ.

- Thực hiện đầy đủ công tác đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thống kê, kiểm kê đất đai và thanh tra việc quản lý sử dụng đúng pháp luật. Người học ngành quản lý đất đai biết thực hiện đúng trình tự giao đất, thu hồi đất hoặc chuyển quyền sử dụng đất....

- Tìm hiểu về quy hoạch đô thị và cách thực hiện các kế hoạch quy hoạch.

- Trình bày cách sử dụng các công cụ và phần mềm đo đạc hiện đại.

- Học cách thực hiện công tác đền bù, giải tỏa, và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

2.2.2. Kỹ năng:

- Phân tích được các quá trình và nguyên lý của viễn thám cũng như các cơ chế tương tác của các đối tượng tự nhiên chính trên bề mặt đất đai

- Thực hiện đúng quy trình thủ tục đăng ký đất đai, lập, cập nhật, chỉnh lý và quản lý hồ sơ địa chính

- Đọc và sử dụng các bản đồ trong trong trắc địa; Có thể xác định được nguyên nhân sinh ra sai số và phân loại sai số đo đạc; Có thể định hướng được đường thẳng; Sử dụng dụng cụ đo và đo chiều dài, đo độ cao và đo góc

- Xác định được tính chất và tình trạng của đất; có thể phân hạng, phân loại đất và xây dựng bản đồ đơn vị đất đai; có thể đưa ra các phương pháp và biện pháp thích hợp để quản lý đất đai bền vững

- Phân loại đất nông nghiệp và phi nông nghiệp nhận diện các tính chất đất cần nghiên cứu trong quy hoạch, nắm vững các nguyên tắc trong quy hoạch sử dụng đất và nhà ở

- Cách tính toán trong công tác giải phóng mặt bằng, công tác bồi thường thiệt hại, trình tự thủ tục trong việc giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án trong công tác quản lý đất đai

- Sử dụng máy toàn đạc điện tử và ứng dụng công nghệ thông tin để đo vẽ thửa đất và bản đồ bằng phương pháp toàn đạc

- Khai thác và xây dựng hệ thống thông tin trong quản lý tài nguyên đất đai và môi trường; cũng như phân tích được các ứng dụng của hệ thống trong quản lý tài nguyên đất đai và môi trường.

- Phát triển kỹ năng phân tích mối liên hệ giữa các cơ quan thanh tra nhà nước và thanh tra đất đai; Biết áp dụng các văn bản quy định trong việc quản lý nhà nước về thanh tra, kiểm tra đất đai

- Biết tổ chức quản lý đất đai, giải quyết các vấn đề có liên quan đến nghiệp vụ về quản lý hành chính, trắc địa, bản đồ, biết cơ bản về xây dựng đất đai nhà ở, có năng lực tự học tiếp tục nâng cao trình độ và mở rộng kiến thức nhằm thích nghi tốt với sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

- Sử dụng thành thạo các loại máy móc thiết bị sử dụng trong đo đạc, quy hoạch, lưu trữ các tài liệu đất đai.

- Sử dụng được các công cụ trợ giúp hiện đại như phần mềm máy tính, các thiết bị đo đạc để có thể nghiên cứu hay theo học các chương trình cao hơn;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của nhà nước, Tuân thủ đúng các qui trình, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan trong hoạt động nghề nghiệp. Có ý thức tổ chức kỷ luật cao, thực hiện tốt trách nhiệm và nghĩa vụ của cá nhân đối với đơn vị, cộng đồng, xã hội;

- Có đạo đức nghề nghiệp, yêu nghề, tác phong làm việc nghiêm túc, khoa học, trung thực trong hoạt động nghề nghiệp và có ý chí vươn lên;

- Có ý thức tự học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ và năng lực chuyên môn nghiệp vụ;

- Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, có kỹ năng giao tiếp;

- Chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý đất đai trình độ Cao đẳng có thể làm việc với cương vị chuyên viên ở các đơn vị sau:

+ Các đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và môi trường như: Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Trung tâm thông tin lưu trữ tư liệu địa chính.

+ Phụ trách công tác quản lý xây dựng tại các UBND xã, phường, thị trấn, quận, huyện, Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban Bồi thường và giải phóng mặt bằng các quận, huyện, tỉnh, thành phố.

+ Tham gia các thành phần kinh tế xã hội khác có nhu cầu liên quan đến nghề nghiệp như nhân viên trong các công ty bất động sản, cán bộ thẩm định, phân tích định giá bất động sản tại bộ phận tín dụng ngân hàng. Cụ thể:

- Lập bản đồ, trắc địa, quy hoạch

- Bất động sản, môi giới, định giá

- Quản lý hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận, công ty tư nhân thì làm công tác đo vẽ

- Trung tâm kinh doanh địa ốc; Ban quản lý các dự án có liên quan đến sử dụng đất

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1890 giờ (80 tín chỉ)
- Số lượng môn học: 31
- Khối lượng học tập các môn học chung: 435/19 (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng học tập các môn học chuyên môn: 1455 giờ (61 TC)
- Khối lượng lý thuyết: 751 (giờ); thực hành, thực tập: 1139 giờ

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	**Năng lực cơ bản (năng lực chung)**	
1	**NLCB-01**	Năng lực sử dụng tiếng Anh giao tiếp ở cấp độ cơ bản (Bậc 2 theo KNLNNVN, tương đương CEFR A2)
2	**NLCB-02**	Năng lực sử dụng công nghệ thông tin đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.
3	**NLCB-03**	Năng lực hiểu biết về chính trị, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chủ trương, chính sách nhà nước.
4	**NLCB-04**	Năng lực hiểu biết về Nhà nước và pháp luật. Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Vận dụng kiến thức pháp luật vào thực tiễn.
5	**NLCB-05**	Năng lực hiểu biết về hệ thống chính trị, pháp luật và quốc phòng - an ninh của nhà nước Việt Nam, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
6	**NLCB-06**	Đảm bảo khả năng đáp ứng về thể chất, sức khỏe đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp
7	**NLCB-07**	Có các kiến thức kỹ năng mềm và nghề nghiệp đủ đáp ứng phát triển bản thân, tham gia hội nhập, khởi nghiệp sau khi tốt nghiệp
I	**Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)**	
1	**NLCL-01**	Trình bày được hệ thống pháp luật và công nghệ quản lý đất đai trên nền tảng kiến thức có liên quan hệ thống thông tin địa lý, hệ thống thông tin đất đai

2	**NLCL-02**	Trình bày được các kiến thức về công nghệ địa chính như đo đạc thu thập dữ liệu về đất đai, bằng công nghệ tiên tiến như công nghệ toàn đạc, công nghệ GPS
3	**NLCL-03**	Thành lập bản đồ chuyên đề bản đồ địa chính, bản đồ quy hoạch sử dụng đất, dưới dạng số, thiết kế vận hành các hệ thống thông tin đất đai
4	**NLCL-04**	Mô tả phương pháp, nguyên tắc xây dựng bản đồ địa chính, các loại bản đồ chuyên đề và hệ thống thông tin đất đai
5	**NLCL-05**	Liệt kê các kiến thức pháp luật đất đai, quản lý nhà nước về đất đai vào công tác quản lý và sử dụng đất
6	**NLCL-06**	Trình bày được phương pháp, nguyên tắc xây dựng phương án quy hoạch và bố trí sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên đất
7	**NLCL-07**	Mô tả phương pháp, nguyên tắc xây dựng bản đồ địa chính, các loại bản đồ chuyên đề và hệ thống thông tin đất đai
8	**NLCL-08**	Mô tả được nguyên tắc và phương pháp xác định giá đất, phục vụ quản lý tài chính về đất đai và kinh doanh bất động sản
III	**Năng lực nâng cao**	
1	**NLNC-01**	Đảm bảo các kiến thức, kỹ năng mềm và nghề nghiệp giúp phát triển bản thân, tham gia hội nhập, khởi nghiệp sau khi tốt nghiệp
2	**NLNC-02**	Trình bày được các nội dung cơ bản về các công tác thanh tra, kiểm tra đất đai; công tác giải quyết tranh chấp về đất đai tại thực tiễn địa phương nơi công tác theo đúng quy định của pháp luật
3	**NLNC-03**	Trình bày được các kiến thức về các loại hồ sơ địa chính, cách lập, cập nhật hồ sơ địa chính, biết được các quy trình nghiệp vụ trong lưu trữ thông tin đất đai
4	**NLNC-04**	Trình bày được các kiến thức cơ bản hệ thống thông tin và xây dựng một hệ thống thông tin, đặc biệt xây dựng hệ thống thông tin đất đai theo chuẩn dữ liệu của ngành quản lý đất đai theo tiêu chuẩn số
5	**NLNC-05**	Trình bày được mọi nghiệp vụ về quản lý đất đai, giải quyết các vấn đề có liên quan đến nghiệp vụ về quản lý hành chính, trắc địa, bản đồ theo tiêu chuẩn số áp dụng tại địa phương nơi công tác

6	**NLNC-06**	Sử dụng được các công cụ trợ giúp hiện đại như phần mềm máy tính, các thiết bị đo đạc để có thể nghiên cứu hay theo học các chương trình cao hơn
7	**NLNC-07**	Xây dựng đội ngũ nhân lực ngành quản lý đất đai đáp ứng chuyên môn, nghiệp vụ về số lượng và chất lượng đáp ứng phát triển nguồn nhân lực trình độ cao
IV	**Năng lực bổ trợ**	
1	**NLBT-01**	Có kỹ năng thuyết trình; kỹ năng đàm phán; kỹ năng định hướng và phát triển nghề nghiệp; kỹ năng làm việc trong môi trường áp lực;
2	**NLBT-02**	Có kỹ năng lãnh đạo; kỹ năng quản lý điều hành; kỹ năng xây dựng đội ngũ vững mạnh;
3	**NLBT-03**	Có kỹ năng quản lý và giải quyết xung đột; kỹ năng nghiên cứu khoa học, công nghệ;

6. Nội dung chương trình

Mã MH	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập *(giờ)*			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực	Thi/ Kiểm tra
I	**Các môn học chung**	**19**	**435**	**157**	**255**	**23**
CMC210	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
CMC103	Tin học	3	75	15	58	2
CMC110	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
CMC204	Pháp luật	2	30	18	10	2
CMC111	Giáo dục Quốc phòng và An	3	75	36	35	4
CMC202	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
II	**Các môn học chuyên môn**					
II.1	**Môn học cơ sở**	**17**	**315**	**181**	**118**	**16**
CDD313	Viễn thám	3	60	30	27	3
CDD104	Pháp luật đất đai	2	45	15	27	3
CDD406	Đăng ký thống kê đất đai	3	60	30	27	3
CDD105	Trắc địa đại cương	3	60	30	27	3
CDD310	Quản lý tài nguyên đất đai	2	30	28	0	2
CDD314	Quy hoạch sử dụng đất đai	3	45	42	0	3
II.2	**Môn học chuyên môn**	**28**	**540**	**286**	**226**	**28**
CKD406	Phương pháp nghiên cứu khoa học đất đai	2	30	28	0	2

CDD501	Giao đất và thu hồi đất	3	60	30	27	3
CDD203	Bản đồ địa chính	3	60	30	27	3
CDD309	Trắc địa ứng dụng	3	60	30	27	3
CDD407	Tin học ứng dụng	3	60	30	27	3
CDD411	Lưu trữ thông tin đất đai	3	45	42	0	2
CMT404	Quy hoạch phát triển nông thôn	3	60	30	27	3
CDD502	Định giá đất	3	60	30	27	3
CDD503	Thanh tra kiểm tra đất đai	3	60	30	27	3
CDD504	Thị trường bất động sản	2	45	15	28	2
CDD508	Thực tập doanh nghiệp 1	3	135	0	135	0
CDD604	Thực tập doanh nghiệp 2	2	90	0	90	0
CDD507	Rèn nghề Trắc địa – Quy hoạch	1	90	0	90	0
CKL5555	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
CXH101	Công tác xã hội	1	60	0	60	0
II.3	**Môn học tự chọn, nâng cao**	**4**	**60**	**56**	**0**	**4**
CDD204	Quy hoạch đô thị	2	30	28	0	2
CDD106	Hệ thống thông tin địa lý	2	30	28	0	2
CDD311	Hệ thống thông tin đất đai	2	30	28	0	2
CDD205	Địa chính nhà nước	2	30	28	0	2
Tổng cộng:		**80**	**1890**	**680**	**1139**	**71**

7. Kế hoạch giảng dạy:

Học kỳ 1:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc					
1	CMC110	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
2	CMC204	Pháp luật	2	30	18	10	2
3	CMC111	Giáo dục quốc phòng an ninh	3	75	36	35	4
4	CMC103	Tin học	3	75	15	58	2
5	CXH101	Công tác xã hội	1	**60**	0	60	0
Tổng cộng:			**13**	**255**	**110**	**132**	**13**

Học kỳ 2:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc					
1	CMC202	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
2	CMC210	Tiếng anh	4	120	42	72	6

3	CDD104	Pháp luật đất đai	3	60	30	27	3
4	CDD105	Trắc địa đại cương	3	60	30	27	3
		Môn học tự chọn	**2**	**30**	**28**	**0**	**2**
1	CDD204	Quy hoạch đô thị	2	30	28	0	2
2	CDD311	Hệ thống thông tin đất đai	2	30	28	0	2
		Tổng cộng:	**14**	**330**	**135**	**177**	**18**

Học kỳ 3:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc					
1	CDD314	Quy hoạch sử dụng đất đai	3	45	42	0	3
2	CDD313	Viễn thám	3	60	30	28	2
3	CDD406	Đăng ký thống kê đất đai	3	60	27	30	3
4	CKD406	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	28	0	2
5	CDD310	Quản lý tài nguyên đất đai	2	30	28	0	2
6	CMT404	Quy hoạch phát triển nông thôn	3	60	27	30	3
		Môn học tự chọn	**2**	**30**	**28**	**0**	**2**
1	CDD106	Hệ thống thông tin địa lý	2	30	28	0	2
2	CDD205	Địa chính nhà nước	2	30	28	0	2
		Tổng cộng:	**18**	**315**	**210**	**88**	**17**

Học kỳ 4:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc					
1	CDD407	Tin học ứng dụng	3	60	30	27	3
2	CDD203	Bản đồ địa chính	3	60	27	30	3
3	CDD501	Giao đất và thu hồi đất	3	60	30	27	3
4	CDD503	Thanh tra kiểm tra đất đai	3	60	27	30	3
5	CDD411	Lưu trữ thông tin đất đai	3	45	42	0	3
		Tổng cộng:	**15**	**285**	**156**	**114**	**15**

Học kỳ 5:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc					
1	CDD309	Trắc địa ứng dụng	3	60	27	30	3
2	CDD502	Định giá đất	3	60	27	30	3
3	CDD504	Thị trường bất động sản	2	45	15	28	2
4	CDD507	Rèn nghề Trắc địa – Quy hoạch	1	90	0	90	0
5	CDD508	Thực tập doanh nghiệp 1	3	135	0	135	0
Tổng cộng:			**13**	**390**	**69**	**313**	**8**

Học kỳ 6:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc					
1	CDD604	Thực tập doanh nghiệp 2	2	90	0	90	0
2	CKL5555	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
Tổng cộng:			7	315	0	315	0

8. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Đối với chương trình các môn học chung được thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng giảng dạy, cụ thể:

1. Môn Giáo dục quốc phòng - An ninh: Thực hiện theo Thông tư 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng

2. Môn Tin học: Thực hiện theo Thông tư 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; Công văn số 2468/TCGDNN-ĐTCQ ngày 23/11/2023 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về việc khai thác, sử dụng mô đun đào tạo "Năng lực số";

3. Môn Giáo dục thể chất: Thực hiện theo Thông tư 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

4. Môn Pháp Luật: Thực hiện theo Thông tư 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

5. Môn Giáo dục chính trị: Thực hiện theo Thông tư 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

6. Môn Anh Văn: Thực hiện theo Thông tư 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Anh Văn thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

- Đối với chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý đất đai trình độ Cao đẳng được thực hiện theo phương thức đào tạo tín chỉ. Chương trình có tổng số tín chỉ: 80 tín chỉ với các môn học và khối lượng được xây dựng như trên là những quy định bắt buộc bao gồm các nội dung sau:

+ Các môn học chuyên môn: bao gồm kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên môn và kiến thức tự chọn.

+ Các kiến thức, kỹ năng bổ trợ, như: kỹ năng đàm phán, kỹ năng tìm việc, quản lý tài chính,... (theo Thông tư số 32/2021/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2021 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho HSSV trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp)

- Đối với chương trình đào tạo chuyên ngành:

+ Được thực hiện theo phương thức tích lũy tín chỉ để đo khối lượng học tập của người học, thời gian của các hoạt động trong khóa học được tính theo giờ và quy ra đơn vị tín chỉ để xác định khối lượng học tập, mỗi năm học được chia làm 02 học kỳ (5 tháng/1 học kỳ).

+ Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Thời gian người học tự học, tự chuẩn bị có hướng dẫn là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của nghề nhưng không được tính để quy đổi ra tín chỉ trong

chương trình đào tạo.

+ Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút.

+ Khối lượng kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành tùy theo từng ngành, nghề đào tạo phải đảm bảo tỷ lệ: Tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 30% - 50%; Thực hành, thực tập, thí nghiệm từ 50% - 70%

- Thực hiện nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

+ Các hoạt động xã hội, kỹ năng mềm được thực hiện theo Thông tư số 32/2021/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho HSSV trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Quyết định số 338/QĐ-KTKT, ngày 19/9/2022 của Hiệu trưởng Trường về việc ban hành Quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho học sinh, sinh viên; đồng thời được lồng ghép với thực hiện Chương trình môn học Công tác xã hội thực hiện theo Quyết định số 476/QĐ-KTKT ngày 01/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ về việc ban hành Chương trình môn học Công tác xã hội áp dụng cho HSSV các lớp cao đẳng, trung cấp hệ chính quy.

+ Các hoạt động dã ngoại, trãi nghiệm,.... tùy theo từng ngành đưa thêm nội dung cụ thể cho phù hợp tình hình thực tế tại thời điểm theo tiến độ đào tạo): Tổ chức giao lưu, sinh hoạt, tọa đàm trao đổi kiến thức và kỹ năng chuyên môn, hoạt động câu lạc bộ chuyên ngành, tham quan trải nghiệm thực tế tại tại doanh nghiệp để tìm hiểu, định hướng về nghề nghiệp, tư vấn tuyển dụng làm việc,... được thực hiện vào đầu khóa học, giữa khóa và cuối khóa trước khi sinh viên tốt nghiệp; Tham quan, tìm hiểu các di tích lịch sử, các danh lam thắng cảnh trong và ngoài tỉnh thực hiện vào đan xen trong khóa học; Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, cắm trại, hoạt động tình nguyện, hoạt động giao lưu với các đơn vị,... do Nhà trường, Đoàn trường, Hội sinh viên tổ chức.

- Thực hiện tổ chức thi kết thúc môn học: Việc tổ chức thi kết thúc môn học thực hiện theo Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành của Trường.

- Thực hiện xét công nhận tốt nghiệp: Người học phải học xong chương trình và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong Chương trình đào tạo sẽ được Hội đồng xét tốt nghiệp xét đủ điều kiện để công nhận và cấp bằng tốt nghiệp trình độ Cao đẳng với ngành/nghề được đào tạo, cụ thể:

+ Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học được đánh giá theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên.

+ Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Về điều kiện Tin học, Ngoại ngữ: Thực hiện theo quy định của Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, cụ thể như sau:

+ Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông Tin và Truyền Thông, đáp ứng yêu cầu công việc.

+ Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trở lên.

- Trường cấp bằng tốt nghiệp cho người học:

+ Trình độ: Cao đẳng

+ Danh hiệu: Cử nhân thực hành

9. Các chú ý khác

Chương trình này có giá trị sử dụng sau khi được thẩm định và có quyết định ban hành triển khai thực hiện kể từ ngày ký.

Cần Thơ, ngày 08 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ-KỸ THUẬT CẦN THƠ

Nguyễn Thành Long